

Số: /TTr-UBND

Thượng Quan, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi
đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của
Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Thượng Quan.

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025), Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan kính trình Hội đồng nhân dân xã Thượng Quan ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 66-NQ/TW) xác định yêu cầu đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng và thi hành pháp luật, nâng cao chất lượng thể chế, bảo đảm pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, động lực phát triển. Việc bảo đảm nguồn lực, cơ chế tài chính phù hợp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương là một trong những điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật.

Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 197/2025/QH15) và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 (sau đây viết tắt là Nghị định số 289/2025/NĐ-CP) đã đặt ra yêu cầu bảo đảm kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo cơ chế phù hợp, gắn với nhiệm vụ, hoạt động và sản phẩm hoàn thành.

Tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định:
“2. **Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây:...** b) **Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản; c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản**”.

Do đó, Hội đồng nhân dân xã Thượng Quan ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ ban hành hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 “2. *Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là... **ngợi quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp**... do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này*”. Tuy nhiên, Nghị định chưa quy định cụ thể danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi tương ứng đối với từng nhiệm vụ trong phạm vi tổng mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND các cấp; đồng thời chưa hướng dẫn mức khoán đối với từng hoạt động cấu thành của mỗi nhiệm vụ. Theo đó, trường hợp không quy định thống nhất áp dụng trên địa bàn dẫn đến sự khác nhau trong việc xác định nhiệm vụ, hoạt động và phân bổ kinh phí, ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tại tỉnh Thái Nguyên, ngày 30/12/2025, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND quy định một số nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND không quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Sau sắp xếp, chính quyền địa phương cấp xã thực hiện nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước trực tiếp hơn theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Cùng với đó, yêu cầu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở cấp xã được đặt ra thường xuyên hơn, đòi hỏi quy trình tham mưu, soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra, trình, thông qua và ban hành văn bản phải được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định.

Thực tiễn cho thấy, để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật ở cấp xã, cần có cơ sở cụ thể để bố trí, sử dụng và thanh toán kinh phí cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong quá trình xây dựng văn bản. Nếu chưa kịp thời ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã để cụ thể hóa nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì các cơ quan, đơn vị của xã chưa có căn cứ đầy đủ, thống nhất để lập dự toán, quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và Quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống

nhất, công khai, minh bạch cho việc quản lý, sử dụng kinh phí; đồng thời góp phần nâng cao chất lượng, trách nhiệm và hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại xã Thượng Quan.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm hoàn thiện cơ chế tài chính bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội. Nghị quyết làm cơ sở pháp lý thống nhất cho việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã. Qua đó, bảo đảm nguồn lực để nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và thi hành pháp luật trên địa bàn xã.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết được thực hiện trên quan điểm bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nghị quyết phải bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, công khai, minh bạch; cập nhật, điều chỉnh mức chi đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với điều kiện ngân sách của xã. Quan điểm xuyên suốt là nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, gắn trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, kiểm tra, rà soát và bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 06/8/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành Văn bản số 2059/UBND-VP về việc giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Thượng Quan.

2. Ngày 07/8/2026, Văn phòng HĐND và UBND ban hành Quyết định số 61/QĐ-VP về việc thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan; Ngày 10/8/2026, tổ soạn thảo đã tổ chức họp thống nhất nội dung xây dựng Dự thảo tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

3. Ngày 10/8/2026, Văn phòng HĐND và UBND đã ban hành Văn bản số 63/CV-VP về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Thượng Quan.

5. Văn phòng HĐND và UBND thực hiện thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Báo cáo thẩm định số /BC-VP ngày /8/2026.

6. Ngày / /2026, Văn phòng HĐND và UBND hoàn thiện hồ sơ và trình

Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số/TTr-VP về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan.

III. THUYẾT MINH MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Thượng Quan.

b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Thượng Quan.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Thượng Quan.

2. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí theo hướng mức chi là mức chi tối đa; việc thanh toán thực hiện theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm hoàn thành; kinh phí được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng nhiệm vụ, đúng sản phẩm, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

Dự thảo quy định cụ thể tổng mức chi và cơ cấu định mức khoán chi đối với từng loại văn bản căn cứ theo quy định tại **khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP**: “*2. Tổng mức chi xây dựng nghị quyết của HĐND cấp xã, quyết định của UBND cấp xã ... b) Nghị quyết của HĐND cấp xã là 10.000.000đồng/ văn bản; c) Quyết định của UBND cấp xã là 8.000.000đồng/ văn bản; ... 4. Tổng mức chi quy định tại khoản 2 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng định mức khoán chi như sau: a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 2 Điều này...; b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 2 Điều này... 5. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 2 Điều này... ”.*

Căn cứ quy định nêu trên, UBND xã đề xuất định mức khoán cụ thể đối với từng loại văn bản như sau:

a) Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã:

- Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành (bằng

100%): tổng mức chi 10.000.000 đồng/văn bản.

- Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên (bằng 100%): tổng mức chi 10.000.000/văn bản.

- Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết (bằng 60%): tổng mức chi 6.000.000 đồng/văn bản.

- Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết (bằng 30%): tổng mức chi 3.000.000 đồng/văn bản.

b) Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân xã:

- Quyết định mới hoặc Quyết định thay thế Quyết định hiện hành (bằng 100%): tổng mức chi 8.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên (bằng 100%): tổng mức chi 8.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định (bằng 60%): tổng mức chi 4.800.000 đồng/văn bản.

- Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định (bằng 30%): tổng mức chi 2.400.000 đồng/văn bản.

3. Mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã; danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình HĐND, UBND xã

UBND xã xác định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi đối với công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình HĐND, UBND trên cơ sở tham khảo tỷ lệ mức khoán chi đối với việc xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh. Đồng thời, việc xác định định mức khoán chi được xem xét trên cơ sở tính chất, nội dung, khối lượng và mức độ phức tạp của từng hoạt động, sản phẩm; bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế trong tổ chức thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại cấp xã và khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Trên cơ sở đó, UBND xã xác định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã, cụ thể:

a) Nội dung chi, mức chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Thượng Quan, như sau: *(Có phụ lục 01 kèm theo)*.

b) Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra trình HĐND, UBND như sau: *(Có phụ lục 01 kèm theo)*.

5. Dự thảo Nghị quyết xác định nguồn kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã: do ngân sách bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân

dân và Ủy ban nhân dân xã theo phân cấp ngân sách hiện hành.

6. Để bảo đảm tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định, dự thảo Nghị quyết xác định điều khoản thi hành như sau: Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm **05** điều và **02** phụ lục ban hành kèm theo, cụ thể:

1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

2. Điều 2: Nội dung chi, mức khoán chi và định mức khoán đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

3. Điều 3: Nguồn kinh phí

4. Điều 4: Tổ chức thực hiện.

5. Điều 5: Điều khoản thi hành.

6. Phụ lục I: Mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng mới, thay thế văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã

7. Phụ lục II: Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra trình Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã; UBND trình HĐND xã xem xét, quyết định./.

Gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

2. Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết.

3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết.

4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

5. Các tài liệu có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Các ban HĐND;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Tố

PHỤ LỤC I

Nội dung chi, mức chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Thượng Quan

(kèm theo Dự thảo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Thượng Quan)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi ¹	Nhiệm vụ soạn thảo ²	Nhiệm vụ thẩm định ³	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình HĐND, UBND ⁴	Nhiệm vụ thẩm tra, trình thông qua ⁵
I	Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã					
1	Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	10.000.000	6.000.000	2.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên (mức chi bằng 100% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	10.000.000	6.000.000	2.000.000	1.000.000	1.000.000
3	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết (mức chi bằng 60% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	6.000.000	3.600.000	1.200.000	600.000	600.000
4	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết (mức chi bằng 30% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	3.000.000	1.800.000	600.000	300.000	300.000
II	Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân xã					
1	Quyết định mới hoặc Quyết định thay thế Quyết định hiện hành	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
2	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên (mức chi bằng 100% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
3	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định (mức chi bằng 60% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	4.800.000	2.800.000	1.200.000	800.000	
4	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định (mức chi bằng 30% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	2.400.000	1.600.000	500.000	300.000	

¹ Theo khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

² Đơn vị chủ trì nhiệm vụ soạn thảo là đơn vị dự toán.

³ Văn phòng HĐND và UBND xã là đơn vị dự toán.

⁴ Văn phòng HĐND và UBND xã là đơn vị dự toán.

⁵ Văn phòng HĐND và UBND xã là đơn vị dự toán.

PHỤ LỤC II**Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra trình HĐND, UBND xã Thượng Quan***(kèm theo Dự thảo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Thượng Quan)**Đơn vị tính: Đồng*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶								
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã				
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định	
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO										
1	Xây dựng Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân xin chủ trương xây dựng dự thảo văn bản; Tờ trình đăng ký xây dựng dự thảo nghị quyết của HĐND; dự thảo Tờ trình và các tài liệu có liên quan.	Dự thảo Tờ trình/Tờ trình	1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	

⁶ Căn cứ Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh về quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh. Việc xác định mức chi tại Phụ lục này được thực hiện trên cơ sở các mức chi theo quy định hiện hành, đồng thời rà soát, đối chiếu với tính chất, nội dung, khối lượng, mức độ phức tạp của từng hoạt động, sản phẩm và yêu cầu thực tế trong tổ chức thực hiện tại cấp xã; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của xã Thượng Quan. Trường hợp mức chi được xác định thấp hơn mức chi tối đa theo quy định của cấp có thẩm quyền thì thực hiện theo mức được quy định tại Phụ lục này.

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶							
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã			
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo sơ bộ, dự thảo do Tổ soạn thảo thống nhất và dự thảo báo cáo lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo trước khi xin ý kiến, đăng tải công khai hoặc đánh giá tác động ảnh hưởng)	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.000.000	2.000.000	1.200.000	600.000	1.500.000	1.500.000	900.000	450.000
3	Các nhóm hoạt động liên quan đến tổ chức lấy ý kiến dự thảo, đăng tải trên môi trường điện tử, bao gồm:	Bản so sánh, thuyết minh								
3,1	<i>Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.</i>	<i>nội dung dự thảo</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>	<i>400.000</i>	<i>400.000</i>	<i>240.000</i>	<i>120.000</i>
3,2	<i>Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý</i>	<i>Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>	<i>400.000</i>	<i>400.000</i>	<i>240.000</i>	<i>120.000</i>
3,3	<i>Chi hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo)⁷</i>	<i>Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>

⁷ Mức chi hỗ trợ tại mục 3.3 là tổng kinh phí hỗ trợ tối đa cho tất cả các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo)

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶							
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã			
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định
4	Xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	500.000	500.000	300.000	150.000	400.000	400.000	240.000	120.000
5	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	500.000	500.000	300.000	150.000	400.000	400.000	240.000	120.000
6	Hoàn thiện dự thảo văn bản sau thẩm định	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau thẩm định	500.000	500.000	300.000	150.000	400.000	400.000	240.000	120.000
	Tổng I		6.000.000	6.000.000	3.600.000	1.800.000	5.000.000	5.000.000	3.000.000	1.500.000
II	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH									

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶							
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã			
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định
1	Văn phòng HĐND và UBND xã thẩm định độc lập hoặc tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Văn phòng HĐND và UBND xã mời đại diện phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia,... tham gia cuộc họp Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.	Một hoặc một số sản phẩm như sau: - Dự thảo Báo cáo thẩm định sơ bộ của chuyên viên/ý kiến thẩm định của Phòng chuyên môn hoặc tổ thẩm định (nếu có) - Báo cáo thẩm định chính thức của VP HĐND và UBND xã - Văn bản, biên bản họp - Ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến thể hiện trong biên bản cuộc họp.	2.000.000	2.000.000	1.200.000	600.000	2.000.000	2.000.000	1.200.000	500.000
	Tổng II		2.000.000	2.000.000	1.200.000	600.000	2.000.000	2.000.000	1.200.000	500.000
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN									
1	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân xã; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo	Phiếu lấy ý kiến thành viên UBND xã, lãnh đạo UBND xã hoặc Kết luận của	500.000	500.000	300.000	150.000	500.000	500.000	300.000	200.000

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶							
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã			
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định
	Ủy ban nhân dân xã.	UBND xã.								
2	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	Hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã.	500.000	500.000	300.000	150.000	500.000	500.000	300.000	200.000
	Tổng III		1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	1.000.000	600.000	400.000
IV	NHIỆM VỤ THẨM TRA, TRÌNH THÔNG QUA									
1	Xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp	Báo cáo thẩm tra	500.000	500.000	300.000	150.000	0	0	0	0
2	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành	Nghị quyết	500.000	500.000	300.000	150.000	0	0	0	0
	Tổng IV		1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	1.000.000	600.000	300.000
	Tổng I + II + III + IV		10.000.000	10.000.000	6.000.000	3.000.000	8.000.000	8.000.000	4.800.000	2.400.000